

Bản án số: **148/2019/HS-ST**
Ngày: 14/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Hồng Vân

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Đạt

Ông Đỗ Quang Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Phương Ánh Nguyệt

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 08 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2019/TLST-HS ngày 09.7.2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 07 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **PHẠM VĂN S.**, sinh năm 1986 tại Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã QL., huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Không cố định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn C. (Sinh năm 1955); Con bà: Lê Thị M. (Sinh năm 1953)

Tiền án, tiền sự : 02 tiền án, cụ thể:

+ Ngày 09/01/2006 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xử phạt 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Thời hạn tù tính từ ngày 9/9/2005 (*Chưa được xóa án tích*).

+ Ngày 30/6/2008 bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xử phạt 05 năm tù về tội Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 202 BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Thời hạn tù tính từ ngày 9/3/2008 (*Chưa được xóa án tích*).

Tạm giữ từ ngày 31/3/2019. Tạm giam từ ngày 9/4/2019. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số II – Công an thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

2. **TRẦN PHÚ M2.**, sinh năm 1993 tại Thanh Hóa. Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã QL., huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Làng Tr., thị trấn N., huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Con ông: Trần Kim Ph. (Sinh năm 1962); Con bà: Đào Thị Ch. (Sinh năm 1962); Vợ: Hoàng Thị H. (Sinh năm 1995); Có 2 con. Con lớn sinh năm: 2015, con nhỏ sinh năm: 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giữ từ ngày 31/3/2019. Hủy bỏ Tạm giữ từ ngày 9/4/2019. Bị cáo tại ngoại, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho chị cáo Trần Phú M2.: ông Trần Hải Nam và Trần Văn Bình- Luật sư- Công ty Luật TNHH Trần và Liên danh- Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h00 ngày 31/03/2019, S. và M2. gặp nhau tại một quán nước gần cầu Mai Động, Hai Bà Trưng, Hà Nội, ngồi uống nước một lúc thì S. rủ M2. góp tiền đi mua ma túy “đá” về để cùng sử dụng. M2. đồng ý thì S. bảo S. không có tiền và hỏi vay M2. 100.000 đồng. Lúc này, M2. đưa cho S. số tiền 200.000 đồng, trong đó 100.000 đồng là của M2. và 100.000 đồng S. vay M2. để góp tiền với nhau mua ma túy. Sau đó, S. chỉ đường còn M2. điều khiển xe máy Honda mang BKS 36B6-403.01 chở S. đến đầu ngõ 461 Trần Khát Chân, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội. M2. đứng đợi ngoài đầu ngõ còn S. đi bộ vào trong ngõ khoảng 300 mét gặp một người đàn ông không quen biết (sử dụng số điện thoại 0839.313.993) và mua của anh ta 200.000 đồng tiền ma túy “đá”. Người đàn ông này cầm tiền và đưa cho S. 01 túi nilon bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng là ma túy “đá”, S. cầm và cất vào trong túi nhỏ phía trước bên phải chiếc quần S. đang mặc rồi đi bộ ra đầu ngõ gặp M2.. S. nói với M2. là mua được ma túy đá rồi và lấy ra cho M2. xem, sau đó lại cất vào túi quần nhỏ phía trước bên phải chiếc quần S. đang mặc. Sau đó, S. lên xe M2. chở đi tìm nơi vắng, ít người qua lại để sử dụng ma túy “đá” vừa mua được, khi đi đến ngã tư Lê Văn Lương, Hoàng Minh

Giám, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội là khoảng 14 giờ thì bị tổ công tác Y3/KH141-công an thành phố Hà Nội tiến hành dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra tổ công tác phát hiện trong túi quần nhỏ phía trước bên phải S. đang mặc có 01 túi nilong kích thước 1x1 cm bên trong chứa ma túy “đá” dạng tinh thể màu trắng. Tổ công tác đã tiến hành đưa S. và M2. cùng vật chứng bàn giao cho Công an phường Nhân Chính để tiếp tục làm rõ.

Quá trình điều tra S. khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và M2. như đã nêu trên.

Đối với M2. bị tạm giữ từ ngày 31/3/2019 đến ngày 9/4/2019 thì được hủy biện pháp Tạm giữ thay bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Từ khi bị bắt giữ đến ngày 22/5/2019 M2. đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Nhưng đến ngày 5/6/2019, khi cơ quan điều tra tiến hành hỏi cung M2. khai không biết gì, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị can S., M2. phủ nhận toàn bộ nội dung đã khai nhận trước đó. M2. khai khi bị bắt giữ do hoảng sợ và bị công an phường Nhân Chính đánh, ép buộc nên M2. đã khai nhận với cơ quan công an là có góp tiền mua ma túy về để sử dụng chung cùng với bị can Phạm Văn S.. Tuy nhiên, ngoài lời khai của M2. ra không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh M2. bị công an phường Nhân Chính đánh đập, ép cung, mớm cung, dùng nhục hình.

Tang vật thu giữ được gồm:

+ 01 túi nilon kích thước khoảng 1 x 1 cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng.

+ 01 xe mô tô mang nhãn hiệu Honda wave màu trắng đeo Biển kiểm soát 36B6- 403.01, số khung RLHJA 3906HY514440, số máy JA39EC489610

+ 01 điện thoại di động mang nhãn hiệu OPPOA7 màu ghi, số IMEI: 867939047093431 lắp sim số thuê bao: 0366089828.

Tại bản Kết luận giám định số 2119/ KLGD ngày 8/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận:

+ *Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilông là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,160 gam.*

Về nguồn gốc số ma túy: Phạm Văn S. khai nhận mua của một người đàn ông không quen biết (S. không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này ở đâu) tại ngõ 461 đường Trần Khát Chân, phường Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Người đàn ông này khoảng 25 tuổi, dáng người đậm, cao khoảng 1m62, tóc nhuộm màu bạc. Đây là lần thứ hai S. mua ma túy của người đàn ông này, mỗi lần S. mua đều gọi vào số điện thoại của người đàn ông này là 0839313993. Qua điều tra xác định được chủ thuê bao số điện thoại 0839313993 có tên Nguyễn Thị Bạch Tuyết

nhưng không có thông tin địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với chiếc điện thoại di động OPPOA7 màu ghi, số IMEI: 867939047093431 lắp sim số thuê bao: 0366089828 thu giữ của Phạm Văn S.. Quá trình điều tra xác định được là tài sản của S.. S. khai sử dụng liên lạc với gia đình, bạn bè và có liên lạc với số điện thoại 0839313993 để mua ma túy.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đeo biển kiểm soát 36B6-403.01, số khung RLHJA 3906HY514440, số máy JA39EC489610 thu giữ của Trần Phú M2., M2. khai là mượn của chị Hoàng Thị H. (vợ của M2.). Quá trình điều tra xác định được chiếc xe máy trên không phải xe tang vật thuộc vụ án nào, có đăng ký chủ sở hữu là Hoàng Thị H.- Sinh năm: 1995 (Nơi cư trú: Làng Trung Lê, Thị Trấn Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên; HKTT: Thôn Hồng Phong, QL., Quảng Xương, Thanh Hóa). Ngày 31/03/2019 M2. mượn xe của chị H. để chở S. đi mua ma túy thì bị bắt, việc M2. cùng S. đi mua ma túy thì chị H. không biết. Chị Hoàng Thị H. đã có đơn đề nghị được nhận lại tài sản và xuất trình giấy tờ chứng minh chiếc xe là tài sản hợp pháp của mình. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe máy trên cho chị Hoàng Thị H..

Tại bản cáo trạng số 124/CT-VKS ngày 28/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã truy tố Phạm Văn S. về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 và Trần Phú M2. về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị cáo Phạm Văn S. phủ nhận toàn bộ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cho rằng ma túy thu giữ là của bị cáo mua, không liên quan gì đến bị cáo M2.. Bị cáo khai từ trước đến nay chưa rủ bị cáo M2. dùng ma túy.

Bị cáo Trần Phú M2. không nhận tội và cho rằng quá trình điều tra sở dĩ bị cáo khai có cùng với bị cáo S. đi mua chung ma túy là do bị cáo bị đánh tại công an phường nên phải nhận tội. Bị cáo thừa nhận bị cáo được bị cáo S. rủ dùng ma túy đã nhiều lần trước khi bị bắt ngày 31/3/2019. và đề nghị được hỏi người nhà bị cáo và đối chất với các cán bộ chiến sĩ công an phường, bị cáo không nhớ tên các đồng chí công an đó mà chỉ nhớ mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phú đề nghị: Hội đồng xét xử xem xét bị cáo M2. không phạm tội .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa luận tội đối với bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được làm rõ tại phiên tòa đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như bản Cáo trạng số 124/CT-VKS ngày 28/6/2019 Viện kiểm sát đã truy tố.

Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn S. từ 05 năm 3 tháng tù đến 05 năm 8 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Phú M2. từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: số ma túy thu giữ; Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA 7 màu ghi có số Imei1: 867939047093431 có lắp sim 0366089828 của Phạm Văn S.;

Bị cáo Phạm Văn S.: Không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Phú M2.: Đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo vì bị cáo không phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo M2. đề nghị: Hội đồng xét xử xem xét bị cáo M2. không phạm tội: Vì từ khi được thay đổi biện pháp ngăn chặn bị cáo kêu oan, tại phiên tòa hôm nay bị cáo S. cũng đã phủ nhận lời khai của mình tại cơ quan điều tra bị cáo S. cho rằng số ma túy thu giữ là của mình bị cáo S., không phải là góp tiền mua chung, lý do các bị cáo khai như vậy là do các bị cáo bị ép và do sợ hãi tại công an phường, lời khai của bị cáo S. phù hợp với thời gian, diễn biến vụ việc. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã được cách ly khi xét hỏi là hoàn toàn chính xác, khách quan vì vậy đề nghị hội đồng xét xử xem xét công tâm cho bị cáo M2., bị cáo M2. là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an quận Thanh Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo cho rằng tại công an phường các bị cáo bị ép khai và bị cáo M2. khai bị đánh nhưng không đưa ra được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn S. phủ nhận toàn bộ lời khai của mình tại cơ quan điều tra và nhận số ma túy bị thu giữ là của mình, không liên quan gì đến bị cáo M2. nhưng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ tài liệu nào, bị cáo khai báo quanh co, bị cáo cho rằng chưa hề rủ bị cáo M2. dùng ma túy, trưa ngày 31/3/2019 bị cáo đã mua sẵn ma túy để trong người, việc này bị cáo M2. không biết và bị cáo thừa nhận trong suốt quá trình điều tra bị cáo không bị đánh đập.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo M2. và người bào chữa của bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội. Bị cáo thừa nhận bị cáo có quen bị cáo Phạm Văn S. , thường xuyên gọi điện cho bị cáo S. vì cả hai đều làm nghề xe ôm tại Hà Nội, tại BL 239 bị cáo khai “ Trong năm 2019 từ đầu năm đến nay anh S. có rủ tôi sử dụng ma túy đá nhiều lần, đến lần cách ngày bị bắt 03 ngày S. có rủ thì tôi đồng ý và có sử dụng chung nên S. không bảo tôi phải trả tiền, tôi cũng không biết S. mua ma túy của ai và mua bao nhiêu, tôi sử dụng bằng hình thức hút”.

Bị cáo cho rằng khi bị cáo và bị cáo S. bị bắt đưa về công an phường do bị cáo bị cán bộ công an phường Nhân Chính tát nên đã khai là có mua ma túy chung cùng bị cáo S.. Nhưng bị cáo không nhớ biết người đánh mình tên là gì và bị cáo không xuất trình được các tài liệu chứng minh về vấn đề này. Tại bút lục 240 bị cáo đều khẳng định tại nhà tạm giữ và khi làm việc với cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát bị cáo M2. không bị đánh đập, bức cung nhục hình gì.

Lời khai của bị cáo từ khi bị bắt giữ từ ngày 31/3/2019 đến ngày 22/5/2019 bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo S. Tuy nhiên từ ngày 05/6/2019 khi cơ quan điều tra tiến hành hỏi cung và tại phiên toà hôm nay bị cáo phủ nhận toàn bộ lời khai nhận trước đó và cho rằng khi bị bắt giữ do hoảng sợ và bị công an phường Nhân Chính đánh, ép buộc nên đã khai nhận với cơ quan công an là có góp tiền mua ma túy để về sử dụng chung với bị cáo S., bị cáo cho rằng khoảng thời gian từ 12 giờ đến khoảng 13 giờ 15 phút cả nhà bị cáo đang ăn cơm trưa cùng nhau tại nhà, có đầy đủ các thành viên trong nhà, căn cứ BL36 và 143 thể hiện lời khai của bị cáo S. về diễn biến hành vi của hai bị cáo từ khi gặp nhau ở quán nước gần cầu Mai Động đến khi mua ma túy xong phù hợp với diễn biến thời gian thể hiện trong list điện thoại của bị cáo S.. Tại biên bản hỏi cung của cơ quan điều tra đối với bị cáo M2. vào hồi 18 giờ 30 ngày 9/4/2019 trước khi được tại ngoại, việc lấy lời khai có sự chứng kiến của đại diện gia đình bị cáo M2. là em gái bị cáo- chị Trần Thị B., việc tiến hành hỏi cung là khách quan.

Bị cáo cho rằng tại công an phường Nhân Chính bị cáo bị đánh đập. Tại các bút lục từ 213-218 trong hồ sơ thể hiện các đồng chí công an phường không có việc đánh đập hay ép cung các bị cáo.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà có đủ cơ sở để khẳng định:

Khoảng 14 giờ ngày 31/03/2019, Phạm Văn S. và Trần Phú M2. có hành vi tàng trữ trái phép 0,160 gam Methamphetamine để sử dụng chung với nhau nhưng chưa kịp sử dụng thì bị cơ quan công an bắt quả tang tại khu vực ngã tư Lê Văn Lương, Hoàng Minh Giám, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Với hành vi phạm tội như đã nêu trên, tại cáo trạng số 124/CT-VKSTX ngày 28/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, hai bị cáo đóng vai trò ngang nhau trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an trong xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bởi vì, ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm, khi sử dụng trái phép người sử dụng bị phụ thuộc hoàn toàn dẫn đến tha hóa đạo đức, lối sống, làm mất lý trí con người và là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác.

Do tính chất nguy hiểm của nó nên nhà nước đã thống nhất quản lý và có nhiều biện pháp tuyên truyền, giáo dục về tác hại cũng như vai trò quản lý của nhà nước đối với chất gây nghiện này. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nghiêm khắc với các bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn S. khai báo quanh co nên bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Phú M2. không thành khẩn khai báo, quanh co chối tội nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự mà chỉ được áp dụng tình tiết lần đầu phạm tội, có thời gian làm nghĩa vụ quân sự, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn mẹ bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo và bị cáo là lao động chính nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cũng giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về những vấn đề khác:

*Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo bản thân không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: số ma túy thu giữ; Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPOA 7 màu ghi có số Imei1: 867939047093431 có lắp sim 0366089828 của Phạm Văn S..

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn S., Trần Phú M2. phạm tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

1. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo: Phạm Văn S. 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 31 tháng 03 năm 2019.

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo: Trần Phú M2. 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 31 tháng 03 năm 2019 đến ngày 09 tháng 4 năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì dán kín niêm phong bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Trần Ngọc Chinh; cán bộ CAP Nhân Chính – Nguyễn Trần Phong, đối tượng Phạm Văn S. , Trần Phú M2. và đóng dấu giáp lai của CAP Nhân Chính. Bên trong có: 0,160 gam Methamphetamine (đã lấy mẫu giám định) .Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPOA 7 màu ghi có số Imei1: 867939047093431 có lắp sim 0366089828 của Phạm Văn S..

(Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 8h00 phút ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa Công an quận Thanh Xuân và Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân).

4. Ân phí và quyền kháng cáo:

- Áp dụng Điều 136, 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án và danh mức án phí lệ phí Toà án ngày 30/12/2016:

Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- CA Quận Thanh Xuân;
- THADS quận Thanh Xuân ;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

LƯU THỊ HỒNG VÂN